

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/03/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Văn Mừng
2. Ông: Vi Ngọc Trung

Thư ký toà án ghi biên bản: Ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Vi Thị C** - Sinh ngày 05/05/1993

CCCD số 038193008155 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 02/10/2021

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: **Vi Văn L** - Sinh ngày 23/08/1989

CCCD số 038089001464 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 16/12/2021

Đều ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: Bản C, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án cũng đơn xin vắng mặt, nguyên đơn chị Vi thị C trình bày:

* *Về hôn nhân*: Chị và anh Vi Văn L xây dựng gia đình với nhau từ năm 2010, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 12/09/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hiền Kiệt, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên đến khoảng cuối năm 2020, thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Tuy hai bên gia đình đã nhiều lần dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc dù vẫn đang sống chung một nhà. Từ đầu tháng 9/2024 chúng tôi sống ly thân. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị đề nghị TAND huyện Quan Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý.

* *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Vi Thị Tố U (sinh ngày 19/08/2010); cháu Vi Tiến Đ (sinh ngày 27/07/2014) và cháu Vi Thái S (sinh ngày 19/09/2020); hiện các cháu đang sống cùng với chị C. Các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với chị. Nay ly hôn, ý kiến của chị là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vi Thị Tố U, cháu Vi Tiến Đ, cháu Vi Thái S. Chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/03 cháu/ 01 tháng.

* *Về tài sản và công nợ*: Ngày 04/12/2024 Chị Chuẩn bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ, chồng. Ngày 10/02/2025 chị Chuẩn có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung để vợ, chồng tự thỏa thuận.

Tại bản tự khai và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vi Văn L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống, khoảng năm 2023 chị C phát hiện anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Q. Quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải và chị C đã tha thứ, cho anh L cơ hội sửa chữa lỗi lầm nên anh, chị lại về đoàn tụ. Quá trình chung sống vợ chồng, anh L có dùng tay đánh, dùng chân đạp chị C nhưng không gây thương tích. Anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, do chị C giận dỗi nên mang các con đi ở bên nhà em gái và bán hàng, có thu nhập khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng. Anh thấy tình cảm vợ chồng không được như trước nhưng vì các con nên anh không đồng ý ly hôn với chị C.

* *Về con chung*: Vợ chồng có 03 (Ba) con chung đúng như chị C trình bày. Anh L muốn là người trực tiếp nuôi các con.

* *Về tài sản và công nợ*: Anh L thống nhất như ý kiến của chị C.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh, ghi nhận ý kiến của các đương sự và UBND xã H xác nhận: Anh L và chị C đăng ký kết hôn tại

UBND xã H , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/09/2010. Việc kết hôn là hợp pháp, không trái với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống vui vẻ, hạnh phúc tại C , xã H , huyện Q . Đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn, đến tháng 7/2024 mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải được. Sau đó chị C và các con chuyển ra nhà em gái chị C ở bản C , xã H . Hiện tại anh L và chị C ly thân, hiện các cháu đang ở cùng chị C . Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, đôi khi anh L có tát và đá vợ nhưng không gây thương tích, không có hành vi ngược đãi, đánh đập, bạo lực gia đình, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các con.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án, các đương sự đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị C được ly hôn với anh L .

Về con chung: Giao các cháu Vi Tiến Đ (sinh ngày 27/07/2014) và cháu Vi Thái S (sinh ngày 19/09/2020) cho chị C , giao cháu Vi Thị Tố U (sinh ngày 19/08/2010) cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh L phải cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Sơn, cháu Đ tổng số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/01 tháng, mỗi cháu 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, chị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vi Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vi Văn L là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn huyện Quan Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn luôn chấp hành theo triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về hôn nhân: Chị Vi Thị C và anh Vi Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/09/2010 và không vi phạm các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chung sống nảy sinh nhiều bất đồng, không hoà hợp được. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không thông cảm được cho nhau trong cuộc sống, mặc dù được gia đình nội ngoại dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Vì những lẽ đó, tháng 7 năm 2024 chị C đã ra ở riêng để sinh sống cùng các con. Việc này đã được chính quyền địa phương, trưởng bản xác nhận, phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án. Chị C có nguyện vọng muốn ly hôn anh L.

Xét nguyện vọng của các đương sự cũng như diễn biến giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy: Tòa án đã tiến hành mời chị C, anh L tham gia hoà giải nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa anh L và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu ly hôn với Anh L là có cơ sở. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị C.

[3.2]. Về con chung: Chị C, anh L có 03 con chung là cháu Vi Thị Tố U (sinh ngày 19/08/2010); cháu Vi Tiến Đ (sinh ngày 27/07/2014) và cháu Vi Thái S (sinh ngày 19/09/2020), hiện chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Chị C và anh L đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến tuổi thành niên, cháu U có nguyện vọng ở cùng bố, cháu Đạt có nguyện vọng ở cùng mẹ. Xét hoàn cảnh thực tế chị C và anh L đều có việc làm và thu nhập. Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định bình thường cho con trẻ, tránh gây áp lực tài chính cho hai vợ chồng trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng và tôn trọng nguyện vọng của các cháu, nên chấp nhận một phần yêu cầu của chị C, anh L. Giao cháu Vi Tiến Đ (sinh ngày 27/07/2014) và cháu Vi Thái S (sinh ngày 19/09/2020) cho chị C, giao cháu Vi Thị Tố U cho Anh L trực tiếp nuôi dưỡng

đến tuổi thành niên là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, anh L phải cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Đ và cháu S với số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/01 tháng, mỗi cháu 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) /01 tháng, cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi, kể từ tháng 03/2025, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị C và anh L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và đề nghị đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Chị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị C được ly hôn anh Vi Văn L

Về con chung: Giao cháu Vi Tiên Đ (sinh ngày 27/07/2014) và cháu Vi Thái S (sinh ngày 19/09/2020) cho chị C, giao cháu Vi Thị Tô U cho Anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, anh L phải cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Đ và cháu S với số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/01 tháng, mỗi cháu 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) /01 tháng, cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi, kể từ tháng 03/2025, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vi Thị C, anh Vi Văn L có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm hoặc cản trở.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ được thay đổi khi có yêu cầu của các bên theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí: Chị C phải nộp án phí hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0006556 ngày 22/10/2024; chị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.5000.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0006562 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q tỉnh Thanh Hóa; anh L phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Q ;
- Chi cục THADS huyện Q ;
- Các đương sự;
- UBND xã H, H.Q ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh